

HỘI AN - TRUNG TÂM GIAO THƯƠNG KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ

PGS.TS Nguyễn Văn Kim

Trong tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 10 (175), 2014 có đăng bài Quan hệ giao thương giữa miền Trung Việt Nam với Nhật Bản và Châu Á thế kỷ XVI – XVIII của PGS.TS Nguyễn Văn Kim. Trong bài viết này có một phần viết về Hội An với tiêu đề “Hội An – Trung tâm giao thương khu vực và quốc tế”. Ban biên tập xin trích giới thiệu để chúng ta cùng tham khảo.

Khi vào khai phá đất Đàng Trong năm 1558, tuy mới ngoài 30 tuổi nhưng Nguyễn Hoàng (1524-1613), với tầm nhìn chiến lược và những biện pháp thận trọng, ông đã chuẩn bị những bước đi lâu dài cho việc xây dựng và phát triển của một chính thể lâu dài. Để thu phục nhân tâm và cũng là để giữ sự bình yên cho chính thể, Nguyễn Hoàng đã ra sức: “vỗ về quân dân, thu dùng hào kiệt, sưu thuế nhẹ nhàng, được dân mến phục, bấy giờ thường xưng là *Chúa Tiên*. Nghiệp đế dựng nên thực là xây nền từ đây”¹.

Thời gian Nguyễn Hoàng xây dựng và củng cố chính quyền Đàng Trong cũng là thời đại hưng thịnh của hệ thống thương mại Châu Á và thế giới². Đó là “Thời đại hoàng kim”

(*Golden age*) đối với nền kinh tế hải thương của nhiều quốc gia khu vực. Để phát triển, Đàng Trong đã hội nhập mau chóng với mô hình phát triển chung của hầu hết các quốc gia Đông Á. Dựa vào sức mạnh của kinh tế công thương, như một yêu cầu tất yếu, chúa Nguyễn đã cho khôi phục vị thế của Chiêm Cảng. Tên gọi Faifo (Hải phố - Hội An) trở thành địa chỉ quen thuộc của nhiều thương nhân khu vực và quốc tế. Nhưng không chỉ Hội An, một hệ thống cảng miền Trung vốn có truyền thống từ thời đại Champa cũng được phục hồi trong bối cảnh kinh tế, chính trị mới³. Trong đó, các thương cảng như Thanh Hà (Huế)

National University - Institute of Southeast Asian Studies, Singapore, 1993.

³ Viết về ngoại thương Đàng Trong, Charles Wheeler cho rằng: “Ngoại thương và nền chính trị trong nước đã kết hợp để tạo nên sức mạnh cho một thương cảng ở vùng biên viễn mà người Việt mới đến định cư đồng thời tạo nên thể ổn định cho vương quốc vừa được thiết lập ở vùng “biên giới” phương Nam hãy còn chưa thực phát triển”. Xem Charles Wheeler: *One Region, Two Histories - Cham Precedents in the History of the Hội An Region*; in: Nhung Tuyet Tran and Anthony J.S. Reid: *Việt Nam Borderless Histories*, The University of Wisconsin Press, 2006, pp.169.

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục tiền biên*, Nxb. Giáo Dục, H., 2002, tr.28.

² Anthony Reid: *Southeast Asia in the Age of Commerce 1450-1680*, Yale University, New Haven and London, 1988. Có thể tham khảo thêm: Li Tana - Anthony Reid: *Southern Vietnam under the Nguyen - Documents on the Economic History of Cochinchina (Đàng Trong) 1602-1777*, Australia

ở phía bắc và Nước Mặn (Bình Định) ở phía nam vừa là những thương cảng phát triển độc lập vừa nằm trong hệ thống và có mối quan hệ mật thiết, tương hỗ cho Hội An. Trên thực tế, với sự dự nhập, hỗ trợ bởi các trung tâm sản xuất và khai thác, các thương cảng miền Trung đã tạo nên một hệ thống liên kết với vai trò điều phối của Hội An. Hội An là cảng trung tâm của Đàng Trong đồng thời cũng là một thương cảng chính yếu của Đàng Trong đã được quốc tế hóa.

Do có các chính sách hợp thời và hợp lòng người mà chính quyền Đàng Trong đã tập trung được quyền lực, duy trì được sự ổn định xã hội đồng thời thúc đẩy sự phát triển của kinh tế hàng hóa. Đó chính là những tác nhân bên trong (*endogenous factors*) dẫn đến sự xuất hiện của hàng loạt đô thị và cảng thị trong đó tiêu biểu là đô thị cảng Hội An. Từ một Chiêm cảng bị suy tàn, Hội An đã mau chóng phục hưng và trở thành trung tâm thương mại lớn ở khu vực Đông Nam Á. Từ cuối thế kỷ XVI, Hội An đã trở thành trung tâm kinh tế đối ngoại (*entrepôts*) quan trọng nhất của Đàng Trong và là một trong những thương cảng quốc tế trọng yếu trong tuyến giao thương Đông Á⁴. Cảng thị này đã trở thành một *Trung tâm liên vùng*⁵ để



cùng với Goa (Ấn Độ), Ayutthaya (Siam), Malacca (Malaysia), Batavia (Indonesia), Luzon (Philippines)... nối kết với Formosa (Đài Loan), Macao, Hạ Môn (Trung Quốc) Deshima (Nhật Bản), Pusan (Hàn Quốc) để tạo nên một hệ thống thương mại có độ liên kết chặt và tương đối hoàn chỉnh của châu Á.

Trong các mối quan hệ đa dạng của Đàng Trong, thương nhân và các giáo sĩ Bồ Đào Nha đã đến xứ Cochinchina sớm nhất. Từ năm 1515, thuyền buôn Bồ Đào Nha đã đến Faifo và từ năm 1540 thì cập bến thường xuyên thương cảng này⁶. Đến đầu thế kỷ XVII, không chỉ có các thương nhân châu Á, hầu hết các cường quốc thương mại châu Âu như Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, Anh... đều đến Hội An buôn bán⁷. Với các quốc gia

lục địa, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 4, 1999.

⁶ Theo P.Y.Manguin thì năm 1516 Bồ Đào Nha đã cho thuyền đến cảng Champa, năm 1623 đã chính thức cử thuyền đến cảng Champa nhưng theo A.Lamb thì quan hệ này không đều đặn. Từ năm 1540 trở đi người Bồ đến Faifo một cách thường xuyên, thậm chí một số người Bồ còn sống lâu dài ở thương cảng này. Xem Pierre-Yves Manguin: *Les Portugaises sur les cotes du Vietnam et du Campa*, Ecole Française d'Extrême-Orient, Paris, 1972, pp.3; và, Alastair Lamb: *The Mandarin Road to Old Hue*, Clarke, Irwin & Co.Ltd, Toronto, 1970, pp.19.

⁷ Các thương nhân Anh đã đến giao thiệp với Đàng Trong từ năm 1613 sau đó chuyển về tập trung xây

⁴ Andre Gunder Frank: *ReOrient: Global Economy in the Asian Age*, University of California Press, 1998, pp.98; and John K.Whitmore: *Vietnam and the Monetary Flow of Eastern Asia, Thirteenth to Eighteenth Centuries*; in: *Precious Metals in the Late Medieval and Early Modern Worlds*, edited by J.F.Richards. Durham, N.C.: Carolina Academic Press, 1983, pp.380 & 388.

⁵ Sakurai Yumio: *Thử phác dựng cấu trúc lịch sử Đông Nam Á thông qua mối liên hệ giữa biển và*

châu Á, giới thương nhân Trung Hoa, Nhật Bản đã nhận được nhiều điều kiện ưu đãi trong việc buôn bán với chính quyền Đàng Trong. Có thể nói chưa bao giờ trong lịch sử thương mại Việt Nam nền kinh tế ngoại thương lại có quan hệ rộng mở, đa dạng và phát triển hưng thịnh như giai đoạn thế kỷ XVI-XVII. Hầu hết các cường quốc kinh tế thời bấy giờ đều đến thiết lập quan hệ, giao thương với Đàng Trong.

Là một *Thế chế biển*, luôn triệt để phát huy truyền thống khai thác biển, phát triển giao thương và giao lưu văn hóa trên biển⁸, chính quyền Đàng Trong đã sớm nhận thấy kinh tế ngoại thương chỉ có thể tồn tại, phát triển trong hệ thống. Vì thế, cùng với việc củng cố các trung tâm sản xuất thủ công, khai thác nguyên liệu, chúa Nguyễn cũng có nhiều biện pháp bảo vệ và mở rộng hoạt động của các thương cảng. Sau năm 1672, khi cuộc xung đột Trịnh – Nguyễn chấm dứt, chúa Nguyễn đã đẩy mạnh khai phá vùng đất phương Nam, mở rộng ảnh hưởng đến các vùng châu thổ sông Đồng Nai và cuối cùng là châu thổ

Mekong. Nhờ đó, đến thế kỷ XVIII cùng với Thanh Hà, Hội An, Nước Mặn..., các cảng như Đồng Nai, Sài Gòn, Hà Tiên đều trở thành thương cảng trọng yếu của Đàng Trong. Thông qua hoạt động của các thương cảng mà “Chúa đã thu được nhiều lợi nhuận lớn trong việc buôn bán bằng thu thuế hàng hóa cũng như thuế hải khẩu ngài đặt ra và cả nước đều kiếm được nhiều lợi ích không thể tả hết”⁹.

Với các thương nhân châu Á, vốn đã có mối quan hệ mật thiết với các thương cảng miền Trung từ thời đại Champa, đến thế kỷ XVI-XVII các thương nhân Trung Quốc, Xiêm La, Chân Lạp, Patani, Java, Manila và Nhật Bản đã thường xuyên đến Hội An và các cảng miền Trung buôn bán. Theo quan sát của Thomas Bowyear, được A.Lamb ghi chép lại, thì trong khoảng năm 1695 hàng năm có khoảng từ 10 đến 12 thuyền buôn Trung Hoa đến Hội An buôn bán¹⁰. Nhưng khi chính quyền Edo (1600-1868) hạn chế thuyền buôn Trung Hoa đến Nhật Bản thì trong các năm (1740-1750), số thuyền của Hoa thương đến Đàng Trong đã tăng lên mỗi năm chừng 80 chiếc. Trong tác phẩm *Oost-Indische Compagnie en Quinam* (Công ty Đông Ấn ở Quảng Nam) thương nhân người Hà Lan W.J.M Buch cũng cho rằng: “Lý do khiến cho có nhiều thương gia như vậy từ Trung Hoa đến Quảng Nam là vì có thể tìm thấy ở đây một trung tâm buôn bán với các nước và vùng lân

dụng thương điểm ở Côn Đảo. Tàu Hà Lan đến Đàng Trong các năm 1613 và 1617, đến năm 1633 đã thiết lập một thương quán ở Hội An với tham vọng mua tơ lụa ở đây để đưa sang Nhật Bản nhưng đã vấp phải sự cạnh tranh quyết liệt của thương nhân Nhật. Bên cạnh đó là sự nghi kỵ của chúa Nguyễn trong mối liên hệ với Đàng Ngoài. Do vậy đến năm 1654 đã rút khỏi Hội An để tập trung ra Đàng Ngoài và hoạt động liên tục trong 63 năm (1637-1700). Trong các thương nhân phương Tây, Bồ Đào Nha được chúa Nguyễn ưu ái, trong thời gian từ 1650-1651 mỗi năm có 4-5 tàu từ Macao đến Đàng Trong. Các thuyền này có thể chở 300 tấn hàng, trị giá 100.000 lạng bạc.

⁸ Trần Quốc Vượng: *Mấy nét khái quát lịch sử cổ xưa về cái nhìn về biển của Việt Nam*; trong: *Biển với người Việt cổ*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1991, tr.20.

⁹ Cristophoro Borri: *Xứ Đàng Trong*, Nxb. Trẻ, Tp Hồ Chí Minh, 2003, tr.90.

¹⁰ Allastair Lamb: *The Madarin Road to Old Hue*, Sdd, pp.52.



cận. Hồ tiêu được chở tới đây từ Palembang, Pahang và các vùng khác; long não từ Borneo, gỗ vang, ngà voi,... đồ sứ thô và các hàng hóa khác. Với những gì còn lại, họ có thể mua thêm hồ tiêu, ngà voi, bột gia vị, bạch đậu khấu của Quảng Nam v.v... Do đó thuyền của họ chở về Trung Hoa thường là đầy hàng”¹¹.

Cũng cần phải nói thêm rằng, sau khi nhà Thanh thay thế nhà Minh năm 1644, đã có những cuộc di cư lớn của người Hoa (Hán) đến các quốc gia Đông Á. Các đợt di cư đó đã dẫn đến mức độ tập trung cao của các cộng đồng Hoa kiều ở các thành thị, thương cảng khu vực. Vì lẽ sinh tồn, họ đã ra sức bao chiếm nhiều lĩnh vực, hoạt động kinh tế ở Đông Á. Trong khi đó, vị trí của người Ấn trong mạng lưới giao thương khu vực lại trở nên mờ nhạt. Thay vào đó là sự hiện diện ngày một thường xuyên của các tập đoàn thương mại, công ty Đông Ấn châu Âu. Dựa vào các hải đoàn mạnh, vũ khí hiện đại và nguồn hàng phong

phú... các thương nhân châu Âu đã thâm nhập vào thị trường khu vực, giành đoạt quyền lợi với các thương nhân Đông Á để rồi, như lịch sử đã cho thấy, hình thành thế cuộc vừa đối đầu (*confrontation*) vừa hợp tác (*cooperation*) giữa các tập đoàn thương nhân. Trong nhiều thế kỷ, cùng với các thương nhân Châu Á các thương nhân phương Tây đã thâm nhập vào nhiều hoạt

động của các thương cảng. Không chỉ đưa hàng đến nơi đô hội thương nhân phương Tây còn tổ chức mạng lưới buôn bán đến cả các vùng núi cao để mua bán, đổi lấy ngà voi, hồ tiêu, sừng tê, da hươu, gỗ quý, các nguồn lâm sản, bạc, đồng và thiếc...

Với Nhật Bản, sau những thăm dò ban đầu và xung đột quân sự vì “hiếu nhâm”¹² (sự kiện Bạch Tàn Hiên Quý năm 1585), đến đầu thế kỷ XVII, chính quyền Edo (1600-1868) đã chính thức thiết lập quan hệ với Đàng Trong. Từ đó, cho đến khi Nhật Bản thực thi chính sách tỏa quốc

¹² Nhà nghiên cứu Nhật Bản Iwao Seiichi cho rằng vào năm 1578, wako (hải tặc Nhật Bản) đã đến vùng hải phận Đàng Trong và cướp thuyền buôn của thương nhân Trung Hoa Trần Bảo Tùng đang vận chuyển đồng, sắt và đồ gốm đến Quảng Nam. Xem Iwao Seiichi: *Shuin-sen to Nihon Machi* (Châu ấn thuyền và phố Nhật), Nxb. Hakusendo, Tokyo, 1962, tr.15. Nguồn sử liệu Việt Nam: *Đại Nam thực lục tiền biên* cũng ghi lại sự kiện năm 1585, Bạch Tàn Hiên Quý (Shirahama Kenchi) đã chỉ huy một đoàn thuyền lớn đến cướp ở Cửa Việt bị lực lượng hải quân của chúa Nguyễn gồm 10 chiếc thuyền do Nguyễn Phúc Nguyên (1563-1634) chỉ huy tấn công, đánh tan hai chiếc. Trước sức tấn công quyết liệt của lực lượng hải quân Đàng Trong “Hiên Quý sợ chạy... từ đó giặc biển im hơi”, *Đại Nam thực lục tiền biên*, Sdd, tr.32

¹¹ M.J. Buch: *Oost-Indische Compagnie en Quinam*, Amsterdam, H.J. Paris, 1929.

(1639-1853), các thuyền buôn Châu ấn (*Shuin-sen*) của Nhật Bản đã đến nhiều thương cảng của Việt Nam để buôn bán. Với Đàng Trong, các thương nhân Nhật Bản đã trở thành những bạn hàng trọng yếu của “Quảng Nam quốc”¹³. Như vậy là, cùng với thương nhân Trung Hoa, đến đầu thế kỷ XVII hệ thống giao thương Đông Á đã có thêm một thế lực doanh thương mới, có tiềm lực kinh tế lớn, hoạt động tích cực và hiệu quả trên nhiều thị trường khu vực¹⁴.



Để tiếp tục thắt chặt mối quan hệ với Nhật Bản, năm 1619 chúa Nguyễn Phúc Nguyên còn gả con gái cho thương nhân Nhật Bản Araki Sotaro, cho phép người Nhật (và cả giới Hoa thương) lập hội quán, phố Nhật kiều, Hoa kiều để buôn bán lâu dài. Chúa Nguyễn còn cho họ quyền tự quản, tự bầu nên trưởng khu để thực hiện quyền “ngoại trị pháp quyền”, tự điều hành các hoạt động buôn bán và quản lý cộng đồng cư dân Nhật Bản. Chúa Nguyễn đã bày tỏ sự tôn trọng truyền thống văn hóa, phong tục và luật pháp Nhật Bản. Theo đó, từ năm 1633-1672 đã có 6 người Nhật thay nhau giữ trọng trách đó. Họ là những người có thế lực lớn trong cộng đồng người Nhật và được chúa Nguyễn tin cậy¹⁵.

Có thể thấy, cùng với việc tự khẳng định chủ quyền của mình ở Đàng Trong như một thể chế kinh tế - xã hội và chính trị độc lập, việc chúa Nguyễn kiên quyết bảo vệ chủ quyền, góp phần cùng với các quốc gia trong

¹³ Kawamoto Kuniye: *The International Outlook of the Quang Nam (Nguyen) Regime as Revealed in Gaiban Tsuusho*; in: *Ancient Town of Hoi An*, The Gioi Publihiers, H., 2006, pp.159-170.

¹⁴ Kato Eiichi: *Shuinsen Licence Trade and the Dutch in Southeast Asia*; in: *Ancient Town of Hoi An*, The Gioi Publihiers, H., 2006, pp.209-217. Trong thời kỳ *Châu ấn thuyền* (1592-1635) Nhật Bản đã có quan hệ với 18 quốc gia và khu vực lãnh thổ ở Đông Nam Á. Theo thống kê trong thời gian 1604-1635 đã có tổng số 365 thuyền *Châu ấn* đến Đông Nam Á và Đài Loan. Trong số đó có 87 đến Đàng Trong và 37 chiếc đến Đàng Ngoài. Như vậy, chỉ riêng số thuyền đến Việt Nam đã chiếm khoảng gần 1/3 số thuyền *Châu ấn*. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của thị trường Việt Nam với Nhật Bản và quan hệ giao thương khu vực. Thực ra, từ thế kỷ XV, với tư cách là một bộ phận hợp thành của lãnh thổ Nhật Bản ngày nay, vương quốc Ryukyu (Lưu Cầu) đã thiết lập quan hệ với Siam và một số quốc gia Đông Nam Á. Với Việt Nam, tư liệu sớm nhất ghi lại trong *Rekidaihoan* (Lịch đại bảo án) là năm 1509. Đến cuối thế kỷ XVI khi thiết lập quan hệ với Đông Nam Á, các thương nhân Nhật Bản đã kế thừa rất nhiều tri thức, kinh nghiệm của người Hoa cũng như thương nhân Lưu Cầu. Tham khảo thêm Nguyễn Văn Kim: *Chính sách đóng cửa của Nhật Bản thời kỳ Tokugawa - Nguyên nhân và hệ quả*, Nxb. Thế Giới, 2000.

¹⁵ Nguyễn Văn Kim: *Quan hệ của Nhật Bản với Đông Nam Á thế kỷ XV-XVII*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, H., 2003, tr.143-144.

khu vực giải trừ nạn hải tặc, đem lại môi trường ổn định cho giao thương quốc tế đã khiến cho chính quyền Nhật Bản và các tập đoàn thương nhân khác phải có ý thức đầy đủ hơn về chủ quyền của Đàng Trong, nhìn nhận chính quyền này như là một chính thể mạnh trong quan hệ quốc tế cũng như các mối giao thương khu vực. Tuy nhiên, sau một thời kỳ hoạt động nhộn nhịp, đến những năm 1635-1639, vì nhiều nguyên nhân, chính quyền Edo đã thực thi chính sách tỏa quốc (*sakoku*) không cho phép thuyền buôn Châu ấn (*Shuin-sen*) ra nước ngoài. Lập tức giới thương nhân Trung Hoa đã chiếm lĩnh thị trường khu vực. Do thu được nhiều lợi ích từ thị trường Đàng Trong, nhiều Hoa thương quê Quảng Châu, Phúc Kiến, Hải Nam... đã trở thành những nhà kinh doanh lớn, giàu có. Do Nhật Bản thực thi chính sách tỏa quốc, cùng với thương nhân Hà Lan, giới Hoa thương đã đóng vai trò trung gian trong việc tiếp tục duy trì quan hệ thương mại giữa Nhật Bản với Việt Nam và thị trường Đông Nam Á¹⁶. Họ chính là những thương nhân trung gian chủ yếu để kết nối thị trường Đàng Trong với Nhật Bản và đưa các sản phẩm hàng hóa của Nhật Bản, ví như gốm sứ Hizen, đến thị trường Việt Nam, khu vực và thế giới.

Điều cuối cùng cần phải chú ý là, với tầm nhìn của một chính thể

mạnh, luôn giữ thế chủ động trong quan hệ đối ngoại, bên cạnh chính sách khai mở chính quyền Đàng Trong cũng luôn phải lường tính đến việc bảo vệ an toàn cho hệ thống kinh tế đối ngoại trong đó đặc biệt là thương cảng trọng yếu Hội An. Cùng với hệ thống phòng vệ, quan sát ở Cù Lao Chàm (*Chiêm bắt lao*, tiền cảng của Hội An), các chúa Nguyễn đã thiết lập một căn cứ hải quân mạnh ngay ở phía hữu ngạn cửa sông Thu Bồn, tức vùng “Đại Chiêm hải khẩu”¹⁷ để bảo vệ cho Hội An, hoạt động giao thương quốc tế cũng như cho xứ Quảng. Với tư duy đó, dinh trấn Thanh Chiêm cũng giữ vai trò trọng yếu trong việc bảo đảm an ninh vùng thượng nguồn sông Thu Bồn bên cạnh trách nhiệm chính là điều hành, xử lý các hoạt động thường xuyên của khu thương cảng.

Không chỉ dừng lại trong việc buôn bán ở các thương cảng vùng cửa sông và hải đảo ven bờ, chính quyền Đàng Trong còn thực thi một chính sách hướng biển rộng lớn. Chúa Nguyễn đã cho lập các đội hải thuyền ra các vùng đảo xa như Hoàng Sa, Trường Sa... để khai thác sản vật và từng bước khẳng định chủ quyền¹⁸.

¹⁶ Kết quả khảo sát của các chuyên gia địa chất - địa mạo, khảo cổ học và sử học Việt Nam - Nhật Bản thuộc Khoa Lịch sử, Trường ĐH KHXH & NV, ĐHQG HN và Trường Đại học Chiêu Hòa (Nhật Bản) trong các mùa điền dã năm 1997-1999 cho thấy ở vùng Thanh Chiêm có vết tích khá rõ của một vùng vịnh khá rộng, nước sâu. Kết hợp với một số nguồn sử liệu khác chúng tôi cho rằng, nhiều khả năng đây chính là căn cứ hải quân của chúa Nguyễn.

¹⁸ Monique Chemillier - Gendreau: *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H., 1998. Tham khảo thêm Nguyễn Đình Đầu - *Hành trình của một trí thức dân thân*,

Trong tác phẩm *Phủ biên tạp lục*, nhà bác học Lê Quý Đôn cũng từng có những trang viết cụ thể, sinh động về nhiệm vụ và hoạt động của đội Hoàng Sa¹⁹. Như vậy, từ mục tiêu kinh tế, các chúa Nguyễn ngày càng có ý thức đầy đủ và sâu sắc hơn về các nguồn lợi kinh tế và chủ quyền ở Biển Đông. Đội Hoàng Sa (*Paracels*) được lập ra để thực hiện nghĩa vụ của Nhà nước. Trong suốt quá trình khai thác, xác lập chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, chính quyền Đàng Trong không có tranh chấp về quyền lợi kinh tế và chủ quyền với bất cứ quốc gia nào. Về sau, để khẳng định phạm vi ảnh hưởng, chính quyền Đàng Trong đã mở rộng địa bàn hoạt động đến vùng cù lao Côn Lôn và các đảo Hà Tiên nhưng vẫn sai cai đội Hoàng Sa kiêm quản²⁰.

Lịch sử cho thấy, trong suốt thời kỳ hình thành, phát triển của thương mại Đàng Trong cũng như cảng thị

quốc tế Hội An mặc dù Hội Ai (Faifo) luôn là điểm đến của nhiều thương nhân trong nước, khu vực và phương Tây nhưng ở đây đã không diễn ra một cuộc tranh chấp hay xung đột kinh tế lớn nào. Điều đó cho thấy uy lực và năng lực điều hành, tổ chức, quản lý các hoạt động kinh tế đối ngoại của chính quyền Đàng Trong cũng như dinh trấn Quảng Nam. Một chính sách khai mở, đa phương hóa quan hệ và thực thi chế độ thuế quan nghiêm cần... đã đem lại sức mạnh thực tế cho chúa Nguyễn. Trải qua hơn 2 thế kỷ, mặc dù phải đương đầu với những áp lực chính trị từ nhiều phía và biết bao thủ đoạn buôn lậu, trốn thuế của các thương nhân ngoại quốc nhưng chính quyền Đàng Trong đã thực thi quyền lực của mình với một ý thức mạnh mẽ và bảo vệ trọn vẹn chủ quyền dân tộc♥

Xưa & Nay, Tp. HCM, 2010; Nguyễn Quang Ngọc: *Giá trị của các trang sử liệu viết về Trường Sa, Hoàng Sa trong sách “Phủ biên tạp lục”*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 318, 2001; Nguyễn Q. Thắng: *Hoàng Sa, Trường Sa lãnh thổ Việt Nam nhìn từ công pháp quốc tế*, Nxb. Tri Thức, H., 2008.

¹⁹ Lê Quý Đôn từng viết: “Trước họ Nguyễn đặt đội Hoàng Sa 70 suất, lấy người xã An Vĩnh sung vào, cắt phiên mỗi năm cứ tháng hai nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn sáu tháng, đi bằng 5 chiếc thuyền câu nhỏ, ra biển 3 ngày 3 đêm thì đến đảo ấy. Ở đây tha hồ bắt chim bắt cá mà ăn. Lấy được hoá vật của tàu, như là gươm ngựa, hoa bạc, tiền bạc, vòng bạc, đồ đồng, khối thiếc, khối chì, súng, ngà voi, sáp ong, đồ sứ, đồ chiên, cùng là kiếm lược vỏ đồi mồi, vỏ hải ba, hải sâm, hột ốc vân rất nhiều. Đến kỳ tháng 8 thì về, vào cửa Eo, đến thành Phú Xuân để nộp, cân và định hạng xong, mới cho đem bán riêng các thứ ốc vân, hải ba, hải sâm, rồi lĩnh bằng trở về”. Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1987, tr.119-120.

²⁰ Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Sđd, tr.120.